

# TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Viên nén

## CLIPOXID-300

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc

### 1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi viên nén chứa:

**Thành phần dược chất:**

Calci lactat pentahydrat ..... 300 mg

**Thành phần tá dược:**

Cellulose vi tinh thể M101, lactose monohydrat, povidon (kollidon 30), crospovidon, magnesi stearat, silicon dioxyd.

### 2. DẠNG BÀO CHẾ

Viên nén dài, màu trắng, hai mặt trơn.

### 3. CHỈ ĐỊNH

Điều trị các tình trạng thiếu hụt calci như điều trị bổ sung calci cho phụ nữ mang thai, đang cho con bú, loãng xương, kém hấp thu sau phẫu thuật cắt dạ dày, nhuyễn xương và còi xương.

### 4. CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG

Không nên dùng thuốc trong thời gian dài mà không có ý kiến bác sỹ.

*Người lớn bao gồm người cao tuổi:* 1 - 2 viên/ ngày.

*Phụ nữ mang thai:* (Trong 3 tháng cuối thai kỳ cũng như thời kỳ cho con bú) 3 - 4 viên/ ngày.

*Trẻ em trên 3 tuổi:* 1 viên/ ngày.

Thuốc dùng đường uống.

### 5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Mẫn cảm với calci lactat hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tăng calci huyết và calci niệu nghiêm trọng (như ngộ độc vitamin D, cường tuyến cận giáp, suy thận nặng, loãng xương do bất động hoặc các khối u làm mất calci như ung thư tế bào plasma và di căn xương). Bệnh nhân được điều trị với các glycosid tim như digoxin không được sử dụng các chế phẩm bổ sung calci.

### 6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Cần theo dõi cẩn thận nồng độ trong máu và sự bài tiết calci niệu, đặc biệt là khi dùng calci liều cao, nhất là ở trẻ em.

Nên ngưng điều trị nếu nồng độ calci máu vượt quá 2,625 - 2,75 mmol/ L (105 - 110 mg/ L) hoặc nếu sự bài tiết calci niệu vượt quá 5 mg/ kg.

Thận trọng khi dùng muối calci cho trẻ nhỏ bị hạ kali huyết do tăng calci huyết thanh có thể gây giảm thêm kali huyết thanh.

Thận trọng khi dùng muối calci cho bệnh nhân suy giảm chức năng thận, bệnh tim hoặc bệnh sarcoidosis.

### 7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Có bằng chứng dịch tễ học cho thấy an toàn khi sử dụng calci cho phụ nữ mang thai.

Không có vấn đề nào được dự đoán khi dùng thuốc trong thời kỳ cho con bú.

### 8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa rõ.

## 9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Thận trọng khi dùng thuốc cho bệnh nhân đang dùng các chế phẩm chứa hợp chất thay thế vitamin hoặc khoáng chất, các chế phẩm này thường chứa các nguồn bổ sung calci.

Calci làm tăng tác dụng của digitalis trên tim và có thể gây ngộ độc digitalis.

Muối calci làm giảm hấp thu kháng sinh nhóm tetracyclin.

## 10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Muối calci có thể gây táo bón.

## 11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Các triệu chứng quá liều calci bao gồm chán ăn, mệt mỏi, buồn nôn, nôn, nhức đầu, khát nhiều, chóng mặt và tăng ure huyết; Calci có thể bị lắng đọng ở nhiều mô bao gồm thận và các động mạch và cholesterol huyết tương có thể tăng. Rối loạn nhịp tim và nhịp tim chậm cũng có thể xảy ra.

Nên giảm thiểu lượng calci hấp thu và điều chỉnh ngay bất kỳ tình trạng mất nước và rối loạn điện giải.

Tăng calci huyết nặng nên được điều trị bằng truyền tĩnh mạch natri clorid 0,9%; Có thể chỉ định một thuốc lợi tiểu quai để làm tăng thải trừ calci qua nước tiểu. Nếu các biện pháp này thất bại, có thể chỉ định tiêm calcitonin hoặc có thể thay thế bằng các biphosphonat, plicamycin hoặc corticosteroid. Truyền phosphat không được chỉ định do nguy cơ vô hóa đi căn. Trong trường hợp nghiêm trọng, một lượng đáng kể calci có thể được loại bỏ bằng thẩm tách màng bụng.

Bệnh nhân có các triệu chứng quá liều nên tránh tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp.

Đặc biệt thận trọng khi điều trị quá liều cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan hoặc thận.

## 12. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 6 vỉ x 10 viên.

Hộp 10 vỉ x 10 viên.

## 13. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

**Điều kiện bảo quản:** Giữ thuốc trong bao bì gốc của nhà sản xuất, đậy kín.

Đề thuốc nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C và ngoài tầm với của trẻ em.

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn chất lượng:** USP.

## 14. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ BIỂU TƯỢNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

*Sản xuất tại:*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ  
(DAVIPHARM)**

Lô M7A, Đường D17, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tel: 0274.3567.687

Fax: 0274.3567.688

## 15. NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC: 16/06/2020

Tên sản phẩm:	<b>CLIPOXID-300</b>
Mã số toa:	0041.T2
Kiểm soát sửa đổi:	- Chuyển file in theo hồ sơ đăng ký đã được cấp SĐK (CV 274/QLD-ĐK ngày 15/06/2020)
Ngày chuyển:	16/06/2020
Nhân viên thiết kế:	